

Số:54/2024/QĐST-HNGĐ

Phổ Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 211, Điều 212 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTWQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2024 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh Vũ Văn N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm KS, xã VP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên;

- Chị Triệu Thị H, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn KĐ, xã TY, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn Nam và chị Triệu Thị H tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 10 năm 2019, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã VP vào ngày 25/10/2019 (số đăng ký kết hôn 60). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Do vậy anh N và chị H cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thoả thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 8 năm 2024 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh N, chị H đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh N, chị H đều xác định không có.

[4]. Về lệ phí: Anh N, chị H thống nhất thỏa thuận: Anh N là người chịu toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn N và chị Triệu Thị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh N, chị H đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có con chung.

2.3. Về tài sản chung; về nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh N, chị H đều xác định không có.

1.4. Về lệ phí: Anh N, chị H thống nhất thỏa thuận: Anh N chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PY, theo biên lai thu số 0001781 ngày 06/6/2024.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy